TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, ông Hoàng Trung Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La *tham gia phiên tòa*: Ông Vừ Bả Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2025/TLST - HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc Ly hôn - Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Giàng A T - Sinh năm 1992. Nơi cư trú: Bản T, xã N, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Và Thị G - Sinh năm 1989. Nơi cư trú: Bản T, xã N, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/10/2025 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện lời khai nguyên đơn anh Giàng A Tủa như sau:

Anh và chị Và Thị G kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2008 tại Uỷ ban nhân dân xã Nậm Lầu, huyện Thuận Châu (Nay là UBND xã Nậm Lầu), tỉnh Sơn La. Anh và chị G kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cãi nhau nhiều, không hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài, hòa giải không thành, đến tháng 3/2025 thì vợ chồng ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn chị G.

Về con chung: Anh và chị G có hai con chung là Giàng Thị N, sinh ngày 25/02/2007 và Giàng A P, sinh ngày 11/9/2010. Hiện nay cháu Giàng A P đang ở với anh. Anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Giàng A P. Anh không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Giàng Thị N đã đủ 18 tuổi và lập gia đình nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2025, bị đơn chị Và Thị G trình bày như sau:

Chị và anh Giàng A T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2008 tại Uỷ ban nhân dân xã Nậm Lầu, huyện Thuận Châu (Nay là UBND xã Nậm Lầu), tỉnh Sơn La. Chị và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn chung sống với nhau đến đầu năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn, anh Tủa thay đổi tính tình muốn bỏ vợ không rõ nguyên nhân. Ngày 02/3/2025, hai bên gia đình hòa giải cho vợ chồng không thành nên đã thỏa thuận thống nhất ly hôn theo biên bản hòa giải hai bên, ly thân từ ngày đó đến nay, chị xác định tình cảm không còn, chị nhất trí ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Giàng Thị N, sinh ngày 25/02/2007 và Giàng A P, sinh ngày 11/9/2010. Hiện nay cháu Giàng A P đang ở với anh T. Chị nhất trí với ý kiến của anh T về nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh T cư trú tại bản Thẳm Phé, xã Nậm Lầu, tỉnh Sơn La. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình anh T và chị G thì chính quyền địa phương không nắm được. Hai bên gia đình đã hòa giải cho anh T và chị G không thành nên đã thỏa thuận ly hôn và không còn chung sống. Anh T và chị G có 02 con chung: Cháu Giàng A P đang ở với anh T, còn cháu Giàng Thị N đã lập gia đình.

Tại Biên bản ghi ý kiến cháu Giàng A P, sinh ngày 11/9/2010: Cháu nguyện vọng muốn ở với bố cháu là anh Giàng A T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La tại phiên toà: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Sơn La tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Giàng A T đối với chị Và Thị G. Xử cho anh Giàng A T ly hôn chị Và Thị G.

Về con chung: Giao cháu Giàng A P, sinh ngày 11/9/2010 cho anh Giàng A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Cháu Giàng Thị N, sinh ngày 25/02/2007 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Tkhông yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị G khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Giàng A T theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Anh Giàng A Tkhởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với chị Và Thị G nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Và Thị Gcư trú tại xã Nậm Lầu, tỉnh Sơn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục hoà giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hoà giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A T và chị Và Thị G kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nậm Lầu, huyện Thuận Châu (Nay là UBND xã Nậm Lầu), tỉnh Sơn La vào ngày 07/5/2008. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng A T và chị Và Thị G là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh Giàng A T và chị Và Thị G có mâu thuẫn, hiện nay anh chị không còn tồn tại cuộc sống chung và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Căn cứ vào Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Tủa và chị Giàng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho anh T ly hôn chị G là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị G có hai con chung là Giàng Thị N, sinh ngày 25/02/2007 và Giàng A P, sinh ngày 11/9/2010. Cháu Giàng Thị N đã đủ 18 tuổi và lập gia đình nên anh T và chị G không yêu cầu giải quyết. Anh T và chị G đều nhất trí để anh Tủa trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Giàng A P, đồng nhất với ý kiến của con Giàng A P muốn ở với bố. Do vậy, cần chấp nhận ý kiến của các đương sự, giao cháu Giàng A P, sinh ngày 11/9/2010 cho anh Giàng A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 16/5/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Tkhông yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị G khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh Giàng A T là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho anh Giàng A Tủa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân Gia đình.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Giàng A T đối với chị Và Thị G.

Xử cho anh Giàng A T ly hôn chị Và Thị G.

2. Về con chung: Giao cho anh Giàng A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Giàng A P, sinh ngày 11/9/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Và Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Giàng A T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho anh Giàng A T.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Giàng A T và chị Và Thị G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 - Sơn La;
- THADS khu vực 2 - Sơn La;
- Các đương sự;
- UBND xã Nậm Lầu, tỉnh Sơn La;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Bá Toàn